

Số: 2068 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 299/2026/NĐ-CP ngày 28/7/2026 quy định tổ chức đơn vị sự nghiệp công lập; số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo; số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Văn bản số 777/TTg-TCCV ngày 10/7/2026 và Văn bản số 814/TTg-TCCV ngày 20/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập;

Căn cứ Văn bản số 4054/BGDĐT-GDPT ngày 30/6/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 2933/TTr-SGDĐT ngày 15/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh tên gọi và một số nội dung của Phương án như sau:

1. Điều chỉnh tên gọi của Phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh thành: Phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bỏ toàn bộ Điểm 2.6 “Giáo dục nghề nghiệp (không tính trường Cao đẳng)”, khoản 2, Mục I, Phần thứ ba của Phương án.

3. Điều chỉnh nội dung Mục IV và Mục V, phần thứ ba của Phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh với các nội dung cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ nội dung điều chỉnh tại Điều 1 Quyết định này, kịp thời rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện Đề án và quyết định sắp xếp các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; tổ chức triển khai thực hiện bảo đảm đúng quy định, lộ trình và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện Quyết định này. Kịp thời tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện bảo đảm đồng bộ, hiệu quả và đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các nội dung không điều chỉnh tại Quyết định này tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Đảng ủy các xã, phường;
- UBND các xã, phường;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX₁.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Nguyễn Thị Nguyệt

PHỤ LỤC

Nội dung điều chỉnh Phương án sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh
(Kèm theo Quyết định số ngày / /2026 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

A. Điều chỉnh nội dung tại Mục IV, Mục V, phần thứ ba Phương án kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh

IV. TIÊU CHÍ SẮP XẾP

1. Đối với các trường mầm non, tiểu học, THCS, TH-THCS thuộc cấp xã

Sắp xếp các cơ sở giáo dục theo hướng hình thành các trường học có quy mô lớn hơn phù hợp với yêu cầu phát triển giáo dục và mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Sau sắp xếp, cơ bản mỗi xã, phường có 01 trường/mỗi cấp học. Chỉ xem xét sắp xếp 02 trường/01 cấp học đối với một số ít xã, phường có số lượng trường nhiều, quy mô lớp học quá lớn, địa bàn rộng có thể ảnh hưởng đến công tác quản trị của nhà trường hoặc xã có trường phổ thông nội trú liên cấp hoặc chỉ bố trí trường liên cấp TH-THCS mà không bố trí riêng trường tiểu học hoặc riêng trường THCS.

a) Đối với trường mầm non:

Sau sắp xếp, cơ bản 01 xã, phường có 01 trường mầm non.

b) Đối với trường tiểu học:

Sau sắp xếp cơ bản 01 xã, phường có 01 trường tiểu học; 16 xã, phường không bố trí trường tiểu học để sắp xếp thành trường liên cấp TH-THCS.

c) Đối với trường THCS và trường TH-THCS:

Sau sắp xếp, cơ bản 01 xã, phường có 01 trường trung học cơ sở hoặc 01 trường liên cấp tiểu học - trung học cơ sở.

Đối với các xã hiện có trường TH-THCS, nếu sắp xếp các trường học cùng cấp có vị trí liên kề, thuận lợi thì thực hiện sắp xếp lại theo hướng ưu tiên sắp xếp các trường cùng cấp học.

2. Đối với trường trung học phổ thông

Sắp xếp các trường trung học phổ thông quy mô nhỏ có vị trí, khoảng cách gần nhau để thành các trường trung học phổ thông có quy mô lớn.

3. Đối với các Trung tâm GDTX và Trung tâm GDNN-GDTX

Tổ chức rà soát, sắp xếp để bảo đảm khắc phục tình trạng phân tán, trùng lắp đối với một số Trung tâm GDNN-GDTX, bảo đảm giảm tối thiểu 50% đầu mối so với thời điểm 30/6/2025.

B. Điều chỉnh nội dung tại Mục V, phần thứ ba Phương án kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 03/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh

V. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CÔNG LẬP

Phương án dưới đây được xác định trên cơ sở hiện trạng mạng lưới cơ sở giáo dục tại thời điểm 30/6/2025 (trước khi triển khai sắp xếp), đồng thời kế thừa kết quả đã thực hiện trong giai đoạn 1 đến ngày 30/6/2026.

1. Đối với các trường mầm non: Sắp xếp 233 trường mầm non thành 70 trường mầm non (giảm 163 trường).

2. Đối với các trường tiểu học: Sắp xếp 220 trường tiểu học thành 56 trường tiểu học (giảm 164 trường).

3. Đối với các trường THCS và trường TH-THCS: Sắp xếp 148 trường THCS và trường TH-THCS thành 74 trường THCS và trường TH-THCS (giảm 74 trường).

4. Đối với các trường THPT:

Sắp xếp 15 trường trung học phổ thông quy mô nhỏ có vị trí, khoảng cách gần nhau để thành 07 trường trung học phổ thông có quy mô lớn. Cụ thể:

- Sáp nhập Trường THPT Vũ Quang, Trường THPT Cù Huy Cận với Trường THPT Đức Thọ;
 - Sáp nhập Trường THPT Lý Chính Thắng với Trường THPT Lê Hữu Trác;
 - Sáp nhập Trường THPT Phan Đình Phùng với Trường THPT Thành Sen;
 - Sáp nhập Trường THPT Nguyễn Văn Trỗi với Trường THPT Nguyễn Đồng Chi;
 - Sáp nhập Trường THPT Cẩm Xuyên với Trường THPT Nguyễn Đình Liễn;
 - Sáp nhập Trường THPT Hương Khê với Trường THPT Phúc Trạch;
 - Sáp nhập Trường THPT Nguyễn Du với Trường THPT Nguyễn Công Trứ.
- (Sau sắp xếp còn 30 trường THPT, giảm 08 trường).

5. Đối với các Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX:

- Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Vũ Quang với Trung tâm GDNN-GDTX Hương Khê (đã thực hiện từ tháng 8/2025);
 - Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Cẩm Xuyên với Trung tâm GDNN-GDTX Kỳ Anh;
 - Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Can Lộc với Trung tâm GDNN-GDTX Thạch Hà (trừ điểm Lộc Hà) với Trung tâm GDTX tỉnh;
 - Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Đức Thọ với Trung tâm GDNN-GDTX Hương Sơn;
 - Sáp nhập Trung tâm GDNN-GDTX Thạch Hà (cơ sở Lộc Hà) với Trung tâm GDNN-GDTX Nghi Xuân.
- (Sau sắp xếp còn 05 trung tâm, giảm 05 trung tâm).

6. Kết quả sau sắp xếp

6.1. Về mạng lưới cơ sở giáo dục

Sau khi sắp xếp, toàn tỉnh còn **235** cơ sở giáo dục/trung tâm (**giảm 414** đơn vị, tỷ lệ giảm chung: **63,79%**). Cụ thể:

- Trường Mầm non: Còn 70 trường, giảm 163 trường (tỷ lệ giảm 69,96%);
- Trường Tiểu học: Còn 56 trường, giảm 164 trường (tỷ lệ giảm 74,54%);

- Trường THCS và TH-THCS: Còn 74 trường, giảm 74 trường (tỷ lệ giảm 50%);
- Trường THPT: Còn 30 trường, giảm 08 trường (tỷ lệ giảm 21,05%);
- Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX: Còn 05 trung tâm, giảm 05 trung tâm (tỷ lệ giảm 50,00%);

(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo)

6.2. Về cán bộ quản lý, nhân viên

a. Số cán bộ quản lý và nhân viên hiện có: 3.006 người

- Cấp Mầm non: 863 người.
- + Cán bộ quản lý: 610 người.
- + Nhân viên: 253 người (kế toán 215; văn thư 32; thiết bị thư viện 6).
- Cấp Tiểu học: 991 người.
- + Cán bộ quản lý: 477 người.
- + Nhân viên: 514 người (kế toán 208; văn thư 71; thư viện 205, thiết bị 30).
- Cấp Trung học cơ sở, Tiểu học-Trung học cơ sở: 814 người.
- + Cán bộ quản lý: 300 người.
- + Nhân viên: 514 người (kế toán 145; văn thư 115; thư viện 132, thiết bị 122).
- Cấp Trung học phổ thông: 282 người.
- + Cán bộ quản lý: 122 người.
- + Nhân viên: 160 người (kế toán 37; văn thư 40; thư viện 37, thiết bị 43, thủ quỹ, giáo vụ: 3).
- Khối Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX: 56 người.
- + Cán bộ quản lý: 25 người.
- + Nhân viên: 31 người (kế toán 9; văn thư 9; thư viện, thiết bị 13).

b. Số CBQL, nhân viên dự kiến bố trí: 2.214 người

- Cấp Mầm non: 513 người
- + Cán bộ quản lý: 303 người.
- + Nhân viên: 210 người (kế toán: 70; văn thư: 70; thủ quỹ: 70).
- Cấp Tiểu học: 664 người
- + Cán bộ quản lý: 276 người.
- + Nhân viên: 388 người (kế toán: 56; văn thư: 56; thủ quỹ: 56; thư viện: 220).
- Cấp THCS, TH&THCS: 740 người
- + Cán bộ quản lý: 222 người.
- + Nhân viên: 518 người (kế toán: 74; văn thư: 74; thủ quỹ: 74; thư viện: 148; thiết bị: 148).
- Cấp THPT: 262 người.
- + Cán bộ quản lý: 95 người.
- + Nhân viên: 167 người (kế toán: 30; văn thư: 30; thủ quỹ: 30; thư viện: 38 thiết bị: 38, giáo vụ: 1).
- Khối Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX: 35 người.
- + Cán bộ quản lý: 15 người.
- + Nhân viên: 20 người (kế toán 5; văn thư 5; thư viện, thiết bị 10).

c. Số CBQL, nhân viên dự kiến dôi dư: 792 người

- Cấp Mầm non: 350 người.
- + Cán bộ quản lý: 307 người.
- + Nhân viên: 43 người.
- Cấp Tiểu học: 327.
- + Cán bộ quản lý: 201 người.
- + Nhân viên: 126 người.
- Cấp THCS, TH&THCS: 74 người.
- + Cán bộ quản lý: 78 người.
- + Nhân viên: thiếu 04 người.
- Cấp THPT: 20 người.
- + Cán bộ quản lý: 27 người.
- + Nhân viên: thiếu 07 người.
- Khối Trung tâm GDTX, GDNN-GDTX: 21 người.
- + Cán bộ quản lý: 10 người.
- + Nhân viên: 11 người.

(Chi tiết tại Phụ lục V kèm theo)

PHỤ LỤC I
DỰ KIẾN QUY MÔ MẠNG LƯỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC CẤP XÃ, TỈNH HÀ TĨNH SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&THCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
1	P.Thành Sen	92,245	28.21	29	514	11	103	11	232	7	179	7	2	3	2
2	P.Trần Phú	39,261	29.50	11	173	4	40	4	82	3	51	3	1	1	1
3	P.Hà Huy Tập	29,697	32.66	8	142	3	40	3	65	2	37	3	1	1	1
4	Xã Cẩm Bình	25,634	33.14	10	147	4	39	4	61	2	47	3	1	1	1
5	Xã Thạch Lạc	17,898	27.60	7	92	3	29	3	47	1	16	2	1	0	1
6	Xã Đồng Tiến	18,838	33.57	7	114	3	29	2	31	2	54	3	1	1	1
7	Xã Thạch Khê	17,817	46.32	8	98	3	27	3	41	2	30	3	1	1	1
8	P. Sông Trí	37,558	69.90	10	241	4	56	4	118	2	67	4	1	2	1
9	P.Hải Ninh	20,796	39.37	8	137	3	31	2	53	3	53	3	1	1	1
10	P.Vũng Áng	29,045	82.98	7	166	2	34	3	76	2	56	3	1	1	1
11	P.Hoành Sơn	21,955	70.48	7	136	3	38	2	55	2	43	3	1	1	1
12	Xã Kỳ Hoa	16,673	73.28	5	118	2	30	1	34	2	54	3	1	1	1
13	Xã Kỳ Xuân	23,922	72.94	8	152	3	45	3	66	2	41	3	1	1	1
14	Xã Kỳ Anh	33,050	64.74	11	204	4	58	4	93	3	53	3	1	1	1

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&THCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
15	Xã Kỳ Khang	24.185	48.85	9	165	3	47	4	71	2	47	3	1	1	1
16	Xã Kỳ Văn	17.828	135.33	7	113	3	33	1	20	3	60	3	1	0	2
17	Xã Kỳ Lạc	13.050	169.13	5	89	2	27	1	25	2	37	3	1	0	2
18	Xã Kỳ Thượng	16.116	218.82	6	104	2	28	2	46	2	30	3	1	1	1
19	Xã Sơn Kim 1	5.792	223.21	3	32	1	11	1	16	1	21	2	1	0	1
20	Xã Sơn Kim 2	5.159	208.59	2	22	1	9	1	13	0	0	2	1	1	0
21	Xã Sơn Tây	14.752	129.21	6	88	2	25	2	34	2	29	3	1	1	1
22	Xã Sơn Hồng	8.433	209.04	4	56	2	20	0	0	2	36	2	1	0	1
23	Xã Sơn Giang	18.953	86.31	7	89	3	28	3	43	1	18	2	1	0	1
24	Xã Hương Sơn	31.571	32.62	12	167	5	45	5	74	2	48	3	1	1	1
25	Xã Kim Hoa	19.081	88.28	8	112	3	34	3	46	2	32	3	1	1	1
26	Xã Tứ Mỹ	19.992	38.67	12	97	5	28	5	40	2	29	3	1	1	1
27	Xã Sơn Tiến	20.859	80.97	8	103	3	27	2	32	3	44	3	1	1	1
28	Xã Vũ Quang	14.964	533.49	13	123	6	33	4	21	3	69	3	1	0	2
29	Xã Thượng Đức	10.088	58.32	7	44	3	15	3	20	1	9	2	1	0	1
30	Xã Mai Hoa	11.052	45.85	8	69	3	22	3	31	2	30	2	1	0	1
31	Xã Cẩm Xuyên	34.251	82.99	9	173	3	38	3	60	3	75	3	1	1	1

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&THCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
32	Xã Cẩm Hưng	22.232	103.80	9	118	3	31	3	52	3	35	3	1	1	1
33	Xã Cẩm Lạc	19.666	115.86	8	104	3	26	3	37	2	41	3	1	1	1
34	Xã Cẩm Trung	19.784	32.72	7	114	3	34	3	57	1	23	3	1	1	1
35	Xã Yên Hòa	17.882	38.27	6	89	2	25	2	38	2	26	3	1	1	1
36	Xã Thiên Cầm	33.396	40.55	11	166	4	39	4	76	3	51	3	1	1	1
37	Xã Cẩm Duệ	24.137	193.58	7	110	3	32	3	56	1	22	3	1	1	1
38	P.Bắc Hồng Lĩnh	29.213	35.20	11	149	4	38	4	67	3	44	3	1	1	1
39	P.Nam Hồng Lĩnh	22.234	36.47	7	121	3	34	1	26	3	61	3	1	1	1
40	Xã Hương Khê	31.123	165.90	10	189	4	42	4	60	2	87	4	1	1	2
41	Xã Hương Phố	18.511	135.68	8	92	3	25	3	40	2	27	3	1	1	1
42	Xã Hương Đô	14.226	140.80	7	73	3	23	3	36	1	14	2	1	0	1
43	Xã Phúc Trạch	18.230	201.42	8	112	3	30	3	48	2	34	3	1	1	1
44	Xã Hương Xuân	16.627	263.12	7	88	3	25	3	45	1	18	3	1	1	1
45	Xã Hương Bình	17.633	215.60	8	93	3	25	3	40	2	28	3	1	0	2
46	Xã Hà Linh	12.636	140.43	6	72	2	18	2	32	2	22	3	1	1	1
47	Xã Nghi Xuân	38.059	77.65	13	202	5	55	4	84	4	63	3	1	1	1
48	Xã Tiên Điền	25.196	31.60	11	148	4	37	4	58	3	53	3	1	1	1

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&THCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
49	Xã Cổ Đạm	35.171	62.67	9	195	3	57	4	92	2	46	3	1	1	1
50	Xã Đan Hải	28.293	37.77	10	146	4	41	4	65	2	40	3	1	1	1
51	Xã Can Lộc	41.937	65.70	10	237	3	59	4	103	3	75	3	1	1	1
52	Xã Tùng Lộc	21.170	37.49	6	110	2	29	2	46	2	35	3	1	1	1
53	Xã Xuân Lộc	25.647	33.08	9	147	3	36	3	66	3	45	3	1	1	1
54	Xã Đồng Lộc	27.902	70.55	10	169	4	49	4	72	2	48	3	1	1	1
55	Xã Gia Hanh	28.909	45.39	9	168	3	44	3	75	3	49	3	1	1	1
56	Xã Trường Lưu	23.695	49.92	8	111	3	32	3	46	2	33	3	1	1	1
57	Xã Đức Đồng	11.520	47.29	7	52	3	16	3	24	1	12	2	1	0	1
58	Xã Đức Thọ	40.034	48.93	15	205	6	52	6	91	3	62	3	1	1	1
59	Xã Đức Thịnh	41.225	53.39	20	221	8	57	8	97	4	67	3	1	1	1
60	Xã Đức Quang	17.497	30.31	9	79	4	22	4	40	1	17	2	1	0	1
61	Xã Đức Minh	18.814	23.57	7	81	3	24	3	38	1	19	2	1	0	1
62	Xã Hồng Lộc	17.208	33.78	5	79	2	22	2	35	1	22	2	1	0	1
63	Xã Lộc Hà	40.955	35.63	11	218	4	55	4	99	3	64	3	1	1	1
64	Xã Mai Phụ	29.968	31.93	9	141	4	41	4	70	1	30	3	1	1	1
65	Xã Đông Kinh	21.112	27.56	7	100	3	32	3	47	1	21	2	1	0	1

TT	Đơn vị	Quy mô dân số (người)	Diện tích (Km ²)	Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)								Dự kiến số trường sau sắp xếp (từ 01/9/2026)			
				Tổng số		Mầm non		Tiểu học		THCS, TH&THCS		Tổng số	Mầm non	Tiểu học	THCS; TH&THCS
				Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp	Số trường	Số lớp				
66	Xã Việt Xuyên	17.151	32.10	9	106	4	25	2	39	3	42	3	1	1	1
67	Xã Thạch Hà	31.307	31.18	10	185	4	50	4	80	2	55	3	1	1	1
68	Xã Toàn Lưu	19.151	60.65	9	107	4	32	4	52	1	23	3	1	1	1
69	Xã Thạch Xuân	16.101	72.53	6	86	2	23	2	35	2	28	3	1	1	1
Tổng		1.646.067	5.994,45	601	9.063	233	2.406	220	3.784	148	2.873	200	70	56	74

PHỤ LỤC II**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỈNH HÀ TĨNH***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Trước Sắp xếp				Sau sắp xếp				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
1	THPT Cẩm Xuyên	36	1.349	1	THPT ...	59	2.253	
2	THPT Nguyễn Đình Liễn	23	904					
3	THPT Phan Đình Phùng	41	1.729	2	THPT	69	2.723	
4	THPT Thành Sen	28	994					
5	THPT Nguyễn Văn Trỗi	33	1.305	3	THPT	57	2.146	
6	THPT Nguyễn Đồng Chi	24	841					
7	THPT Hương Khê	45	1.865	4	THPT ...	65	2.597	
8	THPT Phúc Trạch	20	732					
9	THPT Vũ Quang	14	546	5	THPT ...	43	1.535	
10	THPT Cù Huy Cận	15	529					
11	THPT Đức Thọ	14	460					
12	THPT Lý Chính Thắng	16	568	6	THPT ...	37	1.366	
13	THPT Lê Hữu Trác	21	798					
14	THPT Nguyễn Du	34	1.253	7	THPT ...	58	2.093	

Trước Sắp xếp				Sau sắp xếp				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
15	THPT Nguyễn Công Trứ	24	840					
16	THPT Hương Sơn	34	1.325	8	THPT Hương Sơn	34	1.325	
17	THPT Cao Thắng	26	1.017	9	THPT Cao Thắng	26	1.017	
18	THPT Kỳ Anh	44	1.958	10	THPT Kỳ Anh	44	1.958	
19	THPT Kỳ Lâm	24	941	11	THPT Kỳ Lâm	24	941	
20	THPT Lê Quảng Chí	33	1.361	12	THPT Lê Quảng Chí	33	1.361	
21	THPT Nguyễn Huệ	41	1.719	13	THPT Nguyễn Huệ	41	1.719	
22	THPT Nguyễn Thị Bích Châu	29	1.196	14	THPT Nguyễn Thị Bích Châu	29	1.196	
23	THPT Cẩm Bình	41	1.513	15	THPT Cẩm Bình	41	1.513	
24	THPT Hà Huy Tập	34	1.422	16	THPT Hà Huy Tập	34	1.422	
25	THPT Chuyên Hà Tĩnh	39	1.320	17	THPT Chuyên Hà Tĩnh	39	1.320	
26	THPT Lý Tự Trọng	38	1.598	18	THPT Lý Tự Trọng	38	1.598	
27	THPT Nguyễn Trung Thiên	35	1.307	19	THPT Nguyễn Trung Thiên	35	1.307	
28	THPT Lê Quý Đôn	36	1.332	20	THPT Lê Quý Đôn	36	1.332	
29	THPT Mai Thúc Loan	36	1.454	21	THPT Mai Thúc Loan	36	1.454	
30	THPT Can Lộc	30	1.261	22	THPT Can Lộc	30	1.261	
31	THPT Đồng Lộc	38	1.507	23	THPT Đồng Lộc	38	1.507	
32	THPT Nghèn	36	1.534	24	THPT Nghèn	36	1.534	

Trước Sắp xếp				Sau sắp xếp				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
33	THPT Hàm Nghi	24	897	25	THPT Hàm Nghi	24	897	
34	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	34	1.243	26	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	34	1.243	
35	THPT Trần Phú	34	1.323	27	THPT Trần Phú	34	1.323	
36	THPT Hồng Lĩnh	38	1.373	28	THPT Hồng Lĩnh	38	1.373	
37	THPT Nghi Xuân	30	1.015	29	THPT Nghi Xuân	30	1.015	
38	THCS&THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh	7	146	30	THCS&THPT Dân tộc nội trú Hà Tĩnh	7	146	
Tổng		1.149	44.475			1.149	44.475	

PHỤ LỤC III**DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC TRUNG TÂM GDNN-GDTX TỈNH HÀ TĨNH SAU SẮP XẾP**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

Hiện trạng (đến ngày 30/6/2025)				Dự kiến sau sắp xếp (từ 01/9/2026)				Ghi chú
TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	TT	Đơn vị	Số lớp	Số HS	
1	GDTX tỉnh Hà Tĩnh	4	116	1	GDNN-GDTX ...	25	901	Lộc Hà 15 lớp 618, Thạch Hà 8 lớp 251
4	GDNN-GDTX Thạch Hà (Cơ sở Thạch Hà cũ)	23	869					
5	GDNN-GDTX Can Lộc	13	534					
2	GDNN-GDTX Kỳ Anh	13	545	2	GDNN-GDTX	23	958	
3	GDNN-GDTX Cẩm Xuyên	10	413					
6	GDNN-GDTX Hương Khê	13	521	3	GDNN-GDTX ...	18	689	
7	GDNN-GDTX Vũ Quang	5	168					
8	GDNN-GDTX Hương Sơn	15	624	4	GDNN-GDTX	26	1.092	
9	GDNN-GDTX Đức Thọ	11	468					
10	GDNN-GDTX Nghi Xuân	17	689	5	GDNN-GDTX	32	1.307	Nhập với cơ sở Lộc Hà của Trung tâm GDNN-GDTX Thạch Hà
Tổng		124	4.947	Tổng		124	4.947	

PHỤ LỤC IV
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN BỔ TRÍ CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN SAU SẮP XẾP
(Kèm theo Quyết định Số /QĐ-UBND ngày / 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Đối tượng/Khối công tác	Thực trạng	Dự kiến bổ trí	Dôi dư (theo vị trí việc làm thiếu -)	Ghi chú
I	Khối xã, phường				
1	Các trường Mầm non	863	513	350	
-	Cán bộ quản lý	610	303	307	
	- Hiệu trưởng	189	70	119	
	- Phó Hiệu trưởng	421	233	188	
-	Nhân viên	253	210	43	
	- Kế toán	215	70	145	
	- Văn thư	32	70	-38	
	- Thủ quỹ	0	70	-70	
	- Thiết bị, thư viện	6	0	6	
2	Các trường Tiểu học	991	664	327	
-	Cán bộ quản lý	477	276	201	
	- Hiệu trưởng	206	56	150	
	- Phó Hiệu trưởng	271	220	51	
-	Nhân viên	514	388	126	
	- Kế toán	208	56	152	
	- Văn thư	71	56	15	

TT	Đối tượng/Khối công tác	Thực trạng	Dự kiến bổ trí	Dôi dư (theo vị trí việc làm thiếu -)	Ghi chú
	- Thủ quỹ	0	56	-56	
	- Thư viện	205	220	-15	
	- Thiết bị...	30	0	30	Bổ trí thư viện, thủ quỹ
3	Các trường THCS	814	740	74	
-	Cán bộ quản lý	300	222	78	
	- Hiệu trưởng	148	74	74	
	- Phó Hiệu trưởng	152	148	4	
-	Nhân viên	514	518	-4	
	- Kế toán	145	74	71	
	- Văn thư	115	74	41	
	- Thủ quỹ	0	74	-74	
	- Thư viện	132	148	-16	
	- Thiết bị	122	148	-26	
II	Trường THPT	282	262	20	
1	Cán bộ quản lý	122	95	27	
	- Hiệu trưởng	37	30	7	
	- Phó Hiệu trưởng	85	65	20	
2	Nhân viên	160	167	-7	
	- Kế toán	37	30	7	
	- Văn thư	40	30	10	
	- Thủ quỹ	2	30	-28	

TT	Đối tượng/Khối công tác	Thực trạng	Dự kiến bổ trí	Dôi dư (theo vị trí việc làm thiếu -)	Ghi chú
	- Thư viện	37	38	-1	
	- Thiết bị	43	38	5	
	- Giáo vụ (THPT Chuyên)	1	1	0	
III	Khối GDNN-GDTX	56	35	21	
1	Cán bộ quản lý	25	15	10	
	- Giám đốc	8	5	3	
	- Phó Giám đốc	17	10	7	
2	Nhân viên	31	20	11	
	- Kế toán	9	5	4	
	- Văn thư	9	5	4	
	- Thiết bị, thư viện	13	10	3	
Tổng toàn bộ		3.006	2.214	792	
THỐNG KÊ					
Tổng Số CBQL		1.534	911	623	
Hiệu trưởng		588	235	353	
Hiệu phó		946	676	270	
Tổng số nhân viên		1.472	1.303	169	